

Số: *06* /2022/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày *30* tháng *6* năm 2022

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng:

Các bộ, cơ quan Trung ương, địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (sau đây viết tắt là Dự án).

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện của Dự án

1. Không trùng lặp với nội dung thực hiện ở các chương trình, đề án, dự án sử dụng ngân sách nhà nước khác.

2. Ưu tiên hỗ trợ thực hiện Dự án đối với các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; đảm bảo phù hợp với khả năng tiếp cận thông tin của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở huyện nghèo, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Quy định rõ các nội dung nhiệm vụ đặc thù của Tiểu dự án giảm nghèo về thông tin để phục vụ công tác quản lý kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Tiểu dự án này tại các địa phương.

4. Xác định rõ trách nhiệm của các bộ, cơ quan Trung ương, địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, thực hiện Dự án.

5. Quản lý, sử dụng nguồn vốn thực hiện Dự án đúng quy định của pháp luật; đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; tăng cường lồng ghép, kế thừa kết quả thực hiện của các chương trình, đề án khác, tránh lãng phí.

6. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc sử dụng các nguồn kinh phí được phân bổ thực hiện Dự án.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG THỰC HIỆN DỰ ÁN

Mục 1

THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN GIẢM NGHÈO VỀ THÔNG TIN

Điều 3. Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông

1. Nhiệm vụ nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông được thực hiện thông qua công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng trong quản lý và trong công tác thông tin, tuyên truyền cho cán bộ làm công tác quản lý báo chí, cán bộ làm công tác thông tin, tuyên truyền của các cơ quan, tổ chức. Đối tượng bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ thông tin, truyền thông, bao gồm:

a) Lãnh đạo, phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí; cán bộ cơ quan chủ quản báo chí, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí;

b) Cán bộ làm công tác thông tin cơ sở; ưu tiên công chức văn hóa - xã hội cấp xã, phụ trách đài truyền thanh cấp xã;

c) Cán bộ làm công tác thông tin, tuyên truyền thuộc cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội;

d) Cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại của các cơ quan, tổ chức ở Trung ương và địa phương.

2. Nội dung thực hiện

a) Xây dựng nền tảng công nghệ, trang thiết bị công nghệ thông tin; thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ công tác bồi dưỡng, tập huấn;

b) Xây dựng chương trình, tài liệu (tài liệu in, điện tử) phục vụ công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng, bao gồm cả tiếng dân tộc thiểu số (nếu có);

c) Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho các đối tượng: Thời lượng tổ chức trực tiếp không quá 05 ngày (bao gồm cả thời gian đi thực tế và đánh giá kết quả).

3. Tổ chức thực hiện

a) Các cơ quan Trung ương:

- Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì thực hiện:

+ Xây dựng, phát triển nền tảng công nghệ phục vụ công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền;

+ Xây dựng nội dung chương trình, tài liệu cho công tác bồi dưỡng, tập huấn;

+ Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ quản lý, phóng viên, biên tập viên báo chí (bao gồm các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này do địa phương quản lý); cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại, cán bộ làm công tác quản lý thông tin cơ sở cấp tỉnh.

- Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội chịu trách nhiệm:

+ Xây dựng chương trình, tài liệu theo yêu cầu đặc thù của cơ quan, tổ chức phục vụ công tác bồi dưỡng, tập huấn cho các đối tượng thuộc lĩnh vực quản lý;

+ Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho các đối tượng thuộc cơ quan, tổ chức theo phân cấp quản lý.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chịu trách nhiệm:

- Tổ chức xây dựng chương trình, tài liệu phục vụ công tác bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ thông tin và truyền thông theo yêu cầu đặc thù của địa phương (ngoài chương trình, tài liệu do Trung ương xây dựng);

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ thông tin và truyền thông do địa phương quản lý (không bao gồm các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này do địa phương quản lý).

Điều 4. Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới

1. Địa điểm thiết lập các cụm thông tin điện tử: Tại khu vực cửa khẩu biên giới; ưu tiên cửa khẩu biên giới đất liền. Địa điểm thiết lập phải có đủ điều kiện về không gian vị trí xây dựng, lắp đặt, phát huy được hiệu quả thông tin, tuyên truyền của cụm thông tin điện tử sau khi thiết lập.

2. Nội dung, yêu cầu thiết lập cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới:

a) Thiết lập mới cụm thông tin điện tử tại các cửa khẩu biên giới chưa có cụm thông tin điện tử; sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng đối với cụm thông tin điện tử đã thiết lập trước đây bằng nguồn vốn nhà nước để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền;

b) Kết cấu cụm thông tin điện tử bao gồm hệ thống các thiết bị điện tử màn hình cỡ lớn (có bộ máy tính điều khiển và thiết bị phụ trợ kèm theo), được lắp đặt cố định tại địa điểm thiết lập;

c) Số lượng màn hình (01 mặt, 02 mặt, 03 mặt, 04 mặt) và diện tích màn hình được xác định tùy theo yêu cầu, phù hợp với vị trí lắp đặt, hiệu quả thông tin, tuyên truyền:

Màn hình cỡ lớn được lắp đặt cố định trên trụ đỡ hoặc treo trên khung giàn (tùy theo vị trí lắp đặt), đảm bảo an toàn về thiết bị và thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan; an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống máy tính, phần mềm điều khiển và hệ thống kết nối truyền dẫn tới đơn vị quản lý nội dung thông tin.

3. Cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới:

a) Sản xuất và cung cấp sản phẩm thông tin, tuyên truyền dùng chung toàn quốc hoặc khu vực để phổ biến, tuyên truyền trên hệ thống cụm thông tin điện tử bằng tiếng Việt; tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài (nếu có);

b) Sản xuất và cung cấp nội dung thông tin, tuyên truyền theo yêu cầu đặc thù của địa phương để phổ biến, tuyên truyền trên hệ thống cụm thông tin điện tử bằng tiếng Việt; tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài (nếu có).

4. Quản lý khai thác, duy trì, vận hành các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới, bao gồm công tác bảo quản, bảo vệ an toàn hệ thống thiết bị, sửa chữa thường xuyên, duy trì hoạt động, phát các sản phẩm thông tin trên cụm thông tin điện tử.

5. Tổ chức thực hiện:

a) Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm:

- Phối hợp với các địa phương tổ chức rà soát kế hoạch thực hiện nhiệm vụ và tổng hợp vào kế hoạch thực hiện Tiểu dự án;
- Tổ chức sản xuất và cung cấp sản phẩm thông tin, tuyên truyền nêu tại điểm a khoản 3 Điều này;
- Hướng dẫn các địa phương về công tác thông tin, truyền trên cụm thông tin điện tử.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm:

- Chỉ đạo các cơ quan liên quan ở địa phương phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng khảo sát nhu cầu, khả năng bố trí địa điểm lắp đặt cụm thông tin điện tử và lập kế hoạch thực hiện (cả giai đoạn và chi tiết theo từng năm) gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, theo dõi thực hiện nhiệm vụ đặc thù của Tiểu dự án. Nội dung kế hoạch bao gồm:

+ Hiện trạng thông tin, tuyên truyền tại cửa khẩu quốc tế và sự cần thiết thiết lập cụm thông tin điện tử phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền;

+ Địa điểm, quy mô thực hiện;

+ Phương án quản lý, vận hành, khai thác, duy trì cụm thông tin điện tử;

+ Nguồn kinh phí thực hiện (bao gồm vốn đối ứng của địa phương); phương án đảm bảo nguồn kinh phí duy trì, vận hành cụm thông tin điện tử;

+ Phương án tổ chức sản xuất nội dung thông tin, tuyên truyền nêu tại điểm b khoản 3 Điều này;

+ Thời gian triển khai, hoàn thành đưa vào sử dụng;

+ Phân công, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị ở địa phương trong quản lý khai thác, duy trì, vận hành cụm thông tin điện tử sau khi thiết lập;

+ Phân tích hiệu quả thông tin, tuyên truyền đối ngoại của việc lắp đặt cụm thông tin điện tử.

- Tổ chức thực hiện thiết lập cụm thông tin điện tử theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo, giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức sản xuất, biên tập nội dung thông tin, tuyên truyền và phổ biến, tuyên truyền trên cụm thông tin điện tử phục vụ nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền của địa phương; phối hợp với các cơ quan liên quan tại địa phương xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành cụm thông tin điện tử; trong đó có quy định rõ trách nhiệm quản lý an toàn cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động, đảm bảo an toàn

nội dung thông tin, tuyên truyền trên cụm thông tin điện tử (theo Đề cương tại Phụ lục 01 kèm theo Thông tư này); kiểm tra, giám sát, phát huy hiệu quả hệ thống thiết bị đã được đầu tư;

- Bố trí kinh phí cho công tác duy trì, sửa chữa, khai thác, vận hành cụm thông tin điện tử theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 5. Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo

1. Mục tiêu: Cung cấp các dịch vụ thông tin công cộng phục vụ nhân dân các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo; giúp nhân dân ở khu vực này có điều kiện tiếp cận các thông tin về chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiến thức, kỹ năng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và các thông tin thiết yếu khác.

2. Phạm vi, địa điểm thực hiện:

a) Phạm vi: Thực hiện tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; xã đảo, huyện đảo;

b) Địa điểm: Tại điểm cung cấp dịch vụ bưu chính thuộc mạng bưu chính công cộng.

3. Nội dung hoạt động của các điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng:

a) Tiếp nhận các xuất bản phẩm, báo chí in từ Dự án và các chương trình, đề án khác để phục vụ nhân dân trên địa bàn;

b) Phục vụ (miễn phí) người dân đọc, sách, báo, tạp chí (bao gồm xuất bản phẩm điện tử và báo điện tử);

c) Cung cấp dịch vụ phục vụ truy nhập internet băng rộng để người dân khai thác các thông tin thiết yếu, đọc các xuất bản phẩm điện tử, báo điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

4. Yêu cầu về điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng:

a) Có hệ thống bàn, ghế phục vụ người dân đọc sách, báo, tạp chí;

b) Có ít nhất 01 máy vi tính được kết nối internet băng rộng, đảm bảo an toàn thông tin;

c) Có ít nhất 01 tủ/kệ để trưng bày, giới thiệu các xuất bản phẩm in, báo in;

d) Đảm bảo hệ thống chiếu sáng, quạt điện phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thuận lợi;

đ) Thời gian phục vụ: Tối thiểu 06 giờ/ngày, từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của Nhà nước). Thời gian phục vụ phải được niêm yết công khai tại nơi dễ nhìn để người dân biết.

5. Tổ chức thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm:

- Tổ chức lập kế hoạch cung cấp dịch vụ thông tin công cộng gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, theo dõi thực hiện nhiệm vụ đặc thù của Tiểu dự án;

- Căn cứ tình hình thực tế, nhu cầu tại địa phương, chỉ đạo, giao Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu công tác quản lý thực hiện nhiệm vụ tại địa phương, phối hợp với Bưu điện tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; tổ chức cung cấp các sản phẩm, dịch vụ thông tin, tuyên truyền thuộc Dự án và các chương trình, dự án khác (nếu có) do địa phương thực hiện phục vụ nhân dân tại điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng.

b) Đơn vị cung cấp dịch vụ thông tin công cộng chịu trách nhiệm:

- Đảm bảo cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và duy trì, vận hành điểm cung cấp dịch vụ theo các yêu cầu tại khoản 4 Điều này;

- Tiếp nhận, bảo quản, khai thác xuất bản phẩm in, báo in của Chương trình và của các chương trình, dự án khác để phục vụ nhân dân tại các địa bàn:

- + Đối với xuất bản phẩm in: Đảm bảo thời gian khai thác ít nhất đến hết thời gian thực hiện Chương trình. Kết thúc thời gian thực hiện Chương trình, căn cứ điều kiện thực tế, đơn vị cung cấp dịch vụ có kế hoạch tiếp tục khai thác các xuất bản phẩm in có ý nghĩa sử dụng lâu dài phục vụ nhân dân trên địa bàn hoặc phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức liên quan chuyển giao các xuất bản phẩm này để tiếp tục phục vụ người dân tại các thiết chế văn hóa - thông tin trên địa bàn;

- + Đối với các ấn phẩm của báo in và các ấn phẩm truyền thông in khác: Thời gian khai thác ít nhất 12 tháng.

- Báo cáo tình hình cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông và của địa phương.

d) Các cơ quan báo chí, nhà xuất bản tham gia thực hiện Dự án căn cứ mục đích, đối tượng phục vụ của sản phẩm, có trách nhiệm cung cấp sản phẩm báo in, xuất bản phẩm in thuộc Dự án đến các điểm cung cấp thông tin công cộng phù hợp.

Khuyến khích các cơ quan, tổ chức cung cấp sản phẩm báo chí, xuất bản phẩm và các sản phẩm truyền thông khác thuộc các chương trình, dự án khác đến các điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng để phục vụ nhu cầu thông tin của nhân dân.

đ) Người sử dụng dịch vụ tại điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng có trách nhiệm:

- Được sử dụng các sản phẩm, dịch vụ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này;
- Bảo quản an toàn tài sản, xuất bản phẩm in, báo in và các sản phẩm truyền thông khác khi sử dụng tại điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng; giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh chung tại các điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng.

Điều 6. Trang bị hệ thống thiết bị thông tin cho các đồn biên phòng phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền thông tin đối ngoại tại các xã biên giới, hải đảo

1. Mục đích:

a) Đảm bảo phục vụ hoạt động thông tin, tuyên truyền cho người dân các xã biên giới, thu hút người dân tham gia các buổi sinh hoạt cộng đồng tại các đồn biên phòng, qua đó cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước tới người dân trên địa bàn; vận động nhân dân tích cực vươn lên giảm nghèo, xây dựng và bảo vệ an ninh biên giới, đấu tranh phản bác các thông tin sai lệch về chủ quyền biên giới quốc gia;

b) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới hình thức, phương thức thông tin, tuyên truyền phù hợp với tình hình mới tại các đồn biên phòng thuộc xã biên giới, hải đảo.

2. Địa điểm, địa bàn ưu tiên:

Ưu tiên hỗ trợ trang bị thiết bị thông tin, tuyên truyền cho các đồn biên phòng đóng tại các xã biên giới có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo.

3. Kết cấu, quy mô và yêu cầu kỹ thuật hệ thống thiết bị thông tin:

a) Hệ thống thiết bị thông tin gồm: Các thiết bị phục vụ nghe, nhìn và các thiết bị khác đảm bảo hoạt động thông tin, tuyên truyền trong điều kiện địa hình khó khăn, phức tạp ở khu vực biên giới, hải đảo;

b) Căn cứ nhu cầu thực tế về công tác thông tin, tuyên truyền, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đề xuất danh mục, yêu cầu kỹ thuật đối thiết bị cần được trang bị báo cáo Bộ Quốc phòng thống nhất và gửi Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, tổng hợp kế hoạch thực hiện.

4. Tổ chức thực hiện:

a) Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm:

- Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng rà soát, tổng hợp kế hoạch thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và theo dõi thực hiện;

- Hỗ trợ, cung cấp các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng để thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền.

b) Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm:

- Chỉ đạo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng rà soát, xác định nhu cầu được hỗ trợ trang thiết bị, xây dựng kế hoạch thực hiện (chi tiết theo từng năm) báo cáo Bộ Quốc phòng xem xét, gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp; chỉ đạo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Kế hoạch thực hiện gồm các nội dung: Hiện trạng và sự cần thiết trang bị phương tiện phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền khu vực biên giới, hải đảo cho các đồn biên phòng; địa điểm, danh mục phương tiện cần trang bị; nguồn kinh phí; tổ chức thực hiện; công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở địa phương; phương án khai thác, vận hành phương tiện, thiết bị được hỗ trợ.

- Ban hành hoặc chỉ đạo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng xây dựng, ban hành hướng dẫn quản lý, sử dụng hệ thống thiết bị được hỗ trợ và kiểm tra, giám sát việc quản lý khai thác, sử dụng các thiết bị đúng mục đích, an toàn, hiệu quả.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan báo chí, các cơ quan liên quan tại địa phương phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng trong công tác thông tin, tuyên truyền tại khu vực biên giới, hải đảo.

Điều 7. Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã

1. Phạm vi thực hiện:

a) Các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

b) Xã đảo, huyện đảo. Trường hợp huyện đảo không có đơn vị hành chính cấp xã thì tăng cường cơ sở vật chất cho cơ sở truyền thanh, truyền hình huyện đảo.

2. Nội dung thực hiện:

a) Thiết lập mới đài truyền thanh xã đối với các xã chưa có đài truyền thanh;

b) Mở rộng hoạt động của đài truyền thanh xã để đáp ứng nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền:

- Mở rộng hệ thống cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn, bản trong xã để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin thiết yếu đến các hộ dân trong xã;

- Thay thế cụm loa có dây, không dây FM bị hỏng, không còn sử dụng được sang cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

3. Thành phần cơ bản, yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin của đài truyền thanh xã thiết lập mới, nâng cấp theo quy định tại Thông tư số

39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

4. Ưu tiên thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh xã:

- a) Xã chưa có đài truyền thanh ở khu vực biên giới, hải đảo;
- b) Các xã thuộc khu vực III khác chưa có đài truyền thanh;
- c) Mở rộng hoạt động của đài truyền thanh đối với xã biên giới, xã đảo.

5. Tổ chức thực hiện:

a) Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm: Phối hợp với các địa phương rà soát, tổng hợp kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đặc thù của Tiểu dự án theo quy định;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm:

- Tổ chức, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ tại địa phương;

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu lập kế hoạch thiết lập mới, mở rộng hoạt động cho đài truyền thanh xã tại địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, theo dõi thực hiện nhiệm vụ đặc thù của Tiểu dự án;

- Đảm bảo các điều kiện cần thiết để duy trì hoạt động thường xuyên của đài truyền thanh xã (bao gồm phí sử dụng dịch vụ truy nhập internet, thuê bao của cụm thu phát thanh; chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị; sản xuất, phát nội dung chương trình trên đài truyền thanh).

Điều 8. Xây dựng, phát triển nền tảng công nghệ cung cấp xuất bản phẩm, báo điện tử

1. Xây dựng, phát triển nền tảng công nghệ cung cấp xuất bản phẩm điện tử, báo điện tử thiết yếu (bao gồm cả tiếng dân tộc thiểu số) để phổ biến tác phẩm có giá trị sử dụng lâu dài cho xã hội.

2. Nội dung thực hiện:

a) Xây dựng, phát triển phần mềm, cơ sở dữ liệu, trang thiết bị công nghệ thông tin (bao gồm thiết bị đảm bảo an toàn thông tin) để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử, đăng báo điện tử;

c) Thuê dịch vụ công nghệ thông tin; duy trì khai thác, vận hành nền tảng công nghệ phục vụ người đọc.

3. Tổ chức thực hiện:

a) Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm:

- Tổ chức xây dựng nền tảng công nghệ, thuê dịch vụ công nghệ thông tin cung cấp tập trung xuất bản phẩm điện tử, báo điện tử để cung cấp, phổ biến thông tin thiết yếu phục vụ người đọc;

- Quản lý, vận hành, khai thác, duy trì nền tảng công nghệ dùng chung phục vụ người đọc.

b) Các cơ quan báo chí, nhà xuất bản chịu trách nhiệm:

- Đăng các tác phẩm báo chí; xuất bản, phát hành xuất bản phẩm thuộc Tiểu dự án lên nền tảng công nghệ phục vụ người đọc;

- Trường hợp các nhà xuất bản, đơn vị phát hành xuất bản phẩm có nhu cầu sử dụng phần mềm của Tiểu dự án để phục vụ cho hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm của mình, nhà xuất bản, đơn vị phát hành tự đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí duy trì, vận hành.

Điều 9. Phát triển các nền tảng công nghệ khác phục vụ giảm nghèo về thông tin

1. Nội dung thực hiện:

a) Xây dựng phần mềm, cơ sở dữ liệu, trang thiết bị công nghệ thông tin, an toàn thông tin; thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định;

b) Duy trì, vận hành khai thác các nền tảng công nghệ thông tin.

2. Tổ chức thực hiện:

Trường hợp các cơ quan, tổ chức liên quan có nhu cầu phát triển các nền tảng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảm nghèo về thông tin, các cơ quan, tổ chức xây dựng kế hoạch cụ thể (trong đó làm rõ sự cần thiết, mục tiêu, nội dung nền tảng cần phát triển, nguồn vốn thực hiện và khả năng chuyển giao công nghệ cho các cơ quan, tổ chức khác) gửi Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, có ý kiến thống nhất trước khi thực hiện (để tránh trùng lặp), tổng hợp vào kế hoạch thực hiện Tiểu dự án và theo dõi thực hiện.

Điều 10. Sản xuất mới các tác phẩm báo chí và các sản phẩm truyền thông khác để cung cấp nội dung thiết yếu cho xã hội

1. Yêu cầu chung

a) Sản xuất mới các tác phẩm báo chí và sản phẩm truyền thông khác dưới dạng điện tử có tính chuyên đề nhằm cung cấp thông tin thiết yếu, có giá trị sử dụng lâu dài phục vụ xã hội, trong đó ưu tiên phục vụ khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có tỷ lệ hộ nghèo cao.

b) Các cơ quan báo chí và cơ quan truyền thông khác thực hiện nhiệm vụ này phải bảo đảm:

- Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thực hiện;
- Không trùng lặp với nhiệm vụ chi thường xuyên của cơ quan thực hiện;
- Không trùng lặp với việc thực hiện các chương trình, đề án khác;
- Đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Tiêu chí lựa chọn nội dung thông tin, tuyên truyền:

a) Tiêu chí nội dung: Nội dung thông tin, tuyên truyền phải có tính chuyên đề, bám sát yêu cầu, định hướng thông tin, tuyên truyền của cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước và nhu cầu thông tin thiết yếu của xã hội;

b) Tiêu chí hình thức, thể loại, thời lượng: Phù hợp với yêu cầu, định hướng tuyên truyền của cơ quan chủ quản; bảo đảm phù hợp, thiết thực với đối tượng thụ hưởng; hình thức thể hiện thân thiện, hấp dẫn, dễ hiểu, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và pháp luật Việt Nam;

c) Tiêu chí hiệu quả: Nội dung thông tin có khả năng áp dụng vào đời sống, sản xuất, giúp nâng cao nhận thức, hiểu biết chung của người dân; có hiệu ứng lan tỏa trên các phương tiện thông tin, truyền thông;

d) Tiêu chí ưu tiên: Ưu tiên thông tin, tuyên truyền đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, biên giới, hải đảo.

3. Nội dung thực hiện:

a) Sản xuất mới các tác phẩm báo chí, sản phẩm truyền thông khác có nội dung thông tin thiết yếu, bao gồm tiếng dân tộc thiểu số (nếu có);

b) Phát hành, phát sóng các tác phẩm báo chí; phổ biến các sản phẩm truyền thông khác, trong đó:

- Đối với sản phẩm báo in: Phát hành đến các thư viện; các điểm phục vụ thông tin công cộng tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo, các địa chỉ khác phù hợp với đối tượng thụ hưởng và theo mục đích phục vụ của sản phẩm;

- Đối với các chương trình phát thanh, truyền hình: Phát sóng trên các kênh phát thanh, kênh truyền hình thiết yếu, các kênh truyền hình phát sóng quảng bá khác;

- Đăng các tác phẩm báo chí điện tử trên chuyên trang, chuyên mục của báo điện tử, đăng các sản phẩm truyền thông điện tử khác trên các nền tảng công nghệ do cơ quan báo chí sử dụng, trên cổng thông tin điện tử của các cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ và trên các nền tảng công nghệ cung cấp báo điện tử thiết yếu theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông);

- Phát sóng các chương trình phát thanh trên đài truyền thanh cấp xã.

4. Tổ chức thực hiện:

a) Các bộ, cơ quan Trung ương chịu trách nhiệm:

- Căn cứ nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền, cung cấp thông tin thiết yếu của ngành, lĩnh vực, chỉ đạo các cơ quan báo chí và các cơ quan trực thuộc lập kế hoạch thực hiện, báo cáo cơ quan chủ quản gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp kế hoạch thực hiện Tiểu dự án và theo dõi thực hiện;

- Tổ chức, chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch trên cơ sở dự toán được giao theo quy định của pháp luật.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm: Tổ chức triển khai, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ tại địa phương; giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan báo chí và các cơ quan liên quan tại địa phương lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét và gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, theo dõi thực hiện;

c) Các cơ quan báo chí và các cơ quan, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ chịu trách nhiệm: Thực hiện kế hoạch được chủ quản giao đúng quy định của Luật Báo chí và các qui định của pháp luật khác có liên quan;

Điều 11. Sản xuất mới các xuất bản phẩm cung cấp nội dung thiết yếu

1. Yêu cầu chung

a) Xuất bản phẩm phải cung cấp nội dung thông tin thiết yếu phục vụ nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội mà người dân cần có, Nhà nước cần cung cấp, nhưng xã hội chưa đáp ứng được; Ưu tiên phục vụ đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao;

b) Các xuất bản phẩm không được trùng lặp với xuất bản phẩm đã được thực hiện ở các nhiệm vụ, chương trình, đề án khác.

2. Tiêu chí lựa chọn đề tài xuất bản phẩm

a) Về nội dung: Đề tài xuất bản phẩm thuộc một hoặc một số chủ đề sau:

- Phổ biến, tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước;

- Phổ biến kiến thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ, kinh nghiệm áp dụng trong sản xuất, những mô hình sinh kế bền vững phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và phòng, chống biến đổi khí hậu;

- Phổ biến, giới thiệu kiến thức về văn hóa, văn học, nghệ thuật, di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc cần quảng bá, lưu giữ và truyền lại cho các thế hệ sau và tạo dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch;

- Giới thiệu, tôn vinh những cá nhân điển hình, mô hình sản xuất, kinh doanh

giỏi, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng.

b) Về hình thức: Được xuất bản bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số (nếu có)

- Đối với xuất bản phẩm điện tử thực hiện theo định dạng xuất bản phẩm điện tử thông thường, xuất bản phẩm dạng âm thanh, xuất bản phẩm đa phương tiện với các yêu cầu cụ thể sau:

+ Đối với xuất bản phẩm điện tử thông thường: Được thể hiện dưới dạng chữ viết (có thể có thêm hình ảnh tĩnh minh họa); thiết kế lật theo từng trang (flipbook) hoặc đọc nối tiếp không có ngắt trang; đọc được bằng phương tiện điện tử thông dụng;

+ Đối với xuất bản phẩm điện tử dưới dạng âm thanh: Được thu âm trực tiếp từ giọng người đọc hoặc thiết bị đọc tự động, nghe được bằng phương tiện điện tử thông dụng;

+ Đối với xuất bản phẩm đa phương tiện: Được thể hiện dưới dạng kết hợp âm thanh, hình ảnh động; đọc, nghe, nhìn được bằng phương tiện điện tử thông dụng.

- Đối với xuất bản phẩm in: Số trang in tối đa 300 trang/xuất bản phẩm, khuôn khổ 14,5x 20,5cm, có tiêu chuẩn kỹ, mỹ thuật phù hợp với hoạt động truyền thông. Các xuất bản phẩm in được thực hiện đồng thời với xuất bản phẩm điện tử để phục vụ đồng đảo người đọc trên nền tảng công nghệ cung cấp xuất bản phẩm điện tử, báo điện tử thiết yếu do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý.

c) Về bản quyền

- Các xuất bản phẩm được lựa chọn thực hiện phải đảm bảo quy định về pháp luật xuất bản và sở hữu trí tuệ;

- Thời hạn chuyển nhượng bản quyền tối thiểu là 05 năm, tính từ ngày giám đốc nhà xuất bản ra quyết định phát hành xuất bản phẩm điện tử.

3. Quy trình thực hiện

a) Đăng ký đề tài xuất bản phẩm:

- Nhà xuất bản chịu trách nhiệm thực hiện đăng ký đề tài xuất bản phẩm phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và nguồn kinh phí của Tiểu dự án.

- Thông tin đăng ký gồm những nội dung sau: Tên đề tài; Tác giả; Tóm tắt nội dung; Thể loại; Ngôn ngữ xuất bản (trường hợp thực hiện bằng tiếng dân tộc thiểu số thì ghi rõ tiếng dân tộc nào); Hình thức xuất bản phẩm thực hiện (xuất bản phẩm in, xuất bản phẩm điện tử thông thường, xuất bản phẩm điện tử dưới dạng âm thanh và xuất bản phẩm đa phương tiện); Thời hạn mua bản quyền tác phẩm (đối với xuất bản phẩm điện tử); Phương thức thực hiện; Đối tượng phát hành (đối với xuất bản phẩm in), tên miền xuất bản, phát hành (đối với xuất bản

phẩm điện tử); Thời gian thực hiện xuất bản phẩm; Kinh phí thực hiện, bao gồm kinh phí của Tiểu dự án, đóng góp của nhà xuất bản (nếu có).

b) Xét chọn đề tài:

- Ở Trung ương: Căn cứ vào danh mục đề tài xuất bản phẩm, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức xét chọn danh mục đề tài xuất bản phẩm theo phân cấp quản lý, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và nguồn kinh phí của Tiểu dự án;

- Ở địa phương: Căn cứ vào danh mục đề tài xuất bản phẩm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xét chọn danh mục đề tài xuất bản phẩm theo phân cấp quản lý, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và nguồn kinh phí của Tiểu dự án; gửi danh mục xuất bản phẩm được xét chọn về Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp quản lý.

c) Tổ chức xuất bản và phát hành

- Căn cứ đề tài đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Nhà xuất bản tổ chức biên tập, xuất bản và phát hành theo quy định pháp luật;

- Nhà xuất bản phải ghi rõ thời hạn (từ ngày, đến ngày) xuất bản phẩm được đọc miễn phí trên các nền tảng công nghệ cung cấp xuất bản phẩm điện tử và phải thông báo bằng văn bản cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả biết ngày phát hành xuất bản phẩm để tính thời hạn chuyển nhượng theo thỏa thuận (Mẫu thông báo tại Phụ lục 3 kèm theo), đồng thời gửi thông báo đến cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông cùng cấp để theo dõi, quản lý;

- Việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Tổ chức thực hiện

a) Các bộ, cơ quan Trung ương có nhu cầu thực hiện xuất bản phẩm mới từ nguồn kinh phí của Tiểu dự án chịu trách nhiệm:

- Tổ chức lập kế hoạch thực hiện gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, theo dõi thực hiện nhiệm vụ của Tiểu dự án;

- Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức xét chọn, thông báo đến cơ quan chủ quản, nhà xuất bản về đề tài xuất bản phẩm mới do cơ quan Trung ương thực hiện bằng nguồn kinh phí của Tiểu dự án.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm:

- Tổ chức lập kế hoạch, xét chọn, thông báo đề tài xuất bản phẩm mới do địa phương thực hiện bằng nguồn kinh phí của Tiểu dự án;

- Phê duyệt đề tài, quản lý, chỉ đạo thực hiện kế hoạch, gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, theo dõi thực hiện nhiệm vụ đặc thù của Tiểu dự án.

c) Nhà xuất bản chịu trách nhiệm:

- Đảm bảo xuất bản phẩm mới theo tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này, không trùng lặp với đề tài xuất bản phẩm đã có;

- Thực hiện xuất bản phẩm, tổ chức phát hành xuất bản phẩm theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

- Đảm bảo xuất bản phẩm được thực hiện theo quy định của Luật Xuất bản và Luật Sở hữu trí tuệ;

- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Tiểu dự án được giao đúng quy định của pháp luật;

- Phát hành xuất bản phẩm điện tử thuộc Tiểu dự án lên trên nền tảng công nghệ cung cấp xuất bản phẩm điện tử do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý và các nền tảng công nghệ do nhà xuất bản, cơ quan chủ quản quản lý, nền tảng thư viện điện tử công cộng (nếu có).

5. Ngoài các nội dung quy định tại Điều này, các hoạt động khác thực hiện theo Thông tư số 32/2021/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện xuất bản phẩm sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 12. Lựa chọn tác phẩm báo chí có nội dung thiết yếu, có giá trị phổ biến lâu dài để chuyển sang định dạng số và phát hành trên không gian mạng

1. Yêu cầu chung

Các tác phẩm báo chí in (báo in, tạp chí in), các chương trình phát thanh, truyền hình (bao gồm cả tiếng dân tộc thiểu số (nếu có)) được lựa chọn chuyển sang định dạng số là các tác phẩm báo chí in đã phát hành, các chương trình phát thanh, truyền hình đã phát sóng trước đây (bằng công nghệ tương tự) có nội dung thông tin thiết yếu, có giá trị sử dụng lâu dài cần phổ biến rộng rãi cho xã hội, góp phần tiết kiệm nguồn lực của nhà nước và nâng cao hiệu quả truyền thông.

2. Đối tượng thực hiện

a) Đối với báo, tạp chí in: Cơ quan báo, tạp chí thuộc các cơ quan của Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

b) Đối với báo nói, báo hình: Các đài phát thanh, truyền hình Trung ương, địa phương quản lý và các cơ quan báo chí có hoạt động phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật về báo chí.

3. Tiêu chí lựa chọn các tác phẩm báo chí để chuyển sang định dạng số:

a) Về nội dung: Phù hợp với tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí; bám sát yêu cầu, định hướng tuyên truyền của cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí và cơ quan chủ quản;

b) Về hình thức chuyển đổi:

- Đối với các tác phẩm báo, tạp chí in: Chuyển đổi sang các tác phẩm báo, tạp chí điện tử;

- Đối với các chương trình phát thanh, truyền hình: Chuyển đổi sang các chương trình công nghệ số.

c) Về hiệu quả: Đảm bảo cung cấp các thông tin thiết yếu đối với đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

4. Quy trình thực hiện:

a) Các cơ quan báo chí lựa chọn danh mục tác phẩm báo chí để chuyển sang định dạng số, bao gồm các nội dung: Tên tác phẩm; tác giả; năm xuất bản; tóm tắt nội dung; ngôn ngữ thực hiện (trường hợp thực hiện bằng tiếng dân tộc thiểu số thì ghi rõ tiếng dân tộc nào); hình thức định dạng số thực hiện đối với tác phẩm; nội dung công việc thực hiện chuyển tác phẩm sang định dạng số; địa chỉ đăng báo điện tử, kênh phân phối nội dung của cơ quan báo chí; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện, bao gồm kinh phí hỗ trợ của Tiểu dự án, đóng góp của cơ quan báo chí (nếu có);

b) Thực hiện chuyển tác phẩm báo, tạp chí in sang tác phẩm báo, tạp chí điện tử; chuyển đổi chương trình phát thanh, truyền hình sang công nghệ số;

c) Đăng các tác phẩm báo điện tử, tạp chí điện tử trên chuyên trang, chuyên mục của báo điện tử, tạp chí điện tử; phát sóng, đăng các chương trình phát thanh, truyền hình trên các kênh phân phối nội dung của cơ quan báo chí.

5. Tổ chức thực hiện:

a) Đối với cơ quan chủ quản báo chí chịu trách nhiệm: Tổ chức, chỉ đạo xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch; phê duyệt danh mục tác phẩm chuyển đổi đối với cơ quan báo chí trực thuộc theo quy định gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp vào kế hoạch thực hiện Tiểu dự án;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm: Chỉ đạo các cơ quan báo chí địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Tiểu dự án; giao Sở Thông tin và Truyền thông làm đầu mối tham mưu, tổng hợp kế hoạch thực hiện của địa

phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, theo dõi nhiệm vụ đặc thù của Tiểu dự án;

c) Cơ quan báo chí chịu trách nhiệm:

- Thực hiện nội dung của Tiểu dự án theo kết quả phê duyệt của cơ quan chủ quản, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và nguồn kinh phí được giao theo quy định;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bản quyền tác phẩm báo chí đề xuất tham gia thực hiện Tiểu dự án;

- Quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ phù hợp với nội dung, khối lượng công việc thực tế thực hiện chuyển tác phẩm sang định dạng số theo quy định của pháp luật;

- Đăng các tác phẩm báo chí đã chuyển đổi thuộc Tiểu dự án lên nền tảng công nghệ cung cấp xuất bản phẩm điện tử, báo điện tử thiết yếu do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý và nền tảng do cơ quan báo chí, cơ quan chủ quản quản lý (nếu có).

Điều 13. Lựa chọn xuất bản phẩm in để xuất bản dưới hình thức xuất bản phẩm điện tử

1. Yêu cầu chung:

Xuất bản phẩm in được lựa chọn tái bản dưới hình thức xuất bản phẩm điện tử là các tác phẩm, công trình có giá trị nội dung lâu dài, cung cấp thông tin thiết yếu phục vụ nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội mà người dân cần có, Nhà nước cần cung cấp, nhưng xã hội chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu; Ưu tiên xuất bản phẩm phục vụ vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Tiêu chí lựa chọn xuất bản phẩm in để xuất bản bản:

- Xuất bản phẩm in được lựa chọn xuất bản phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về xuất bản và sở hữu trí tuệ;

- Xuất bản phẩm điện tử phải đáp ứng các tiêu chí về chủ đề nội dung, hình thức, bản quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định này.

3. Quy trình thực hiện: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Thông tư này.

4. Tổ chức thực hiện: Thực hiện khoản 4 Điều 11 của Thông tư này.

5. Ngoài các nội dung quy định tại Điều này, các hoạt động khác thực hiện theo Thông tư số 32/2021/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Thông

tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện xuất bản phẩm sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Mục 2

THỰC HIỆN TIÊU DỤ ÁN TRUYỀN THÔNG VỀ GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU

Điều 14. Nhiệm vụ công tác thông tin, truyền thông về công tác giảm nghèo đa chiều

1. Thông tin, tuyên truyền đầy đủ, kịp thời về công tác giảm nghèo đa chiều trên cơ sở các chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

2. Nội dung thực hiện:

a) Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo bền vững; nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo và công tác huy động nguồn lực đóng góp cho công tác giảm nghèo bền vững;

b) Tình hình thực hiện giảm nghèo đa chiều trên các lĩnh vực; những kinh nghiệm trong sản xuất, gương điển hình về giảm nghèo bền vững;

c) Phổ biến, định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới;

d) Về quản lý thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

3. Ưu tiên công tác thông tin, tuyên truyền đến khu vực có tỷ lệ hộ nghèo cao.

Điều 15. Các hình thức thông tin, truyền thông về giảm nghèo đa chiều

1. Thông tin, tuyên truyền trên báo chí, xuất bản phẩm: Sản xuất các tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông khác có nội dung về công tác giảm nghèo đa chiều, bao gồm các ấn phẩm, chuyên trang, chuyên mục trên các sản phẩm báo chí; đối thoại chính sách trên báo hình, báo nói, báo điện tử.

2. Thông tin, tuyên truyền qua các hình thức: Sân khấu hóa; sản xuất, phát hành, đăng tải các sản phẩm truyền thông khác (tờ rơi, sổ tay, video clip, chương trình phát thanh, truyền hình).

3. Thực hiện các nội dung truyền thông để phổ biến tại các buổi sinh hoạt cộng đồng có chủ đề về công tác giảm nghèo và tuyên truyền, phổ biến thông qua các hoạt động thông tin lưu động ở cơ sở, ưu tiên thực hiện trên đài truyền thanh xã.

4. Tổ chức nói chuyên chuyên đề, phổ biến cho hộ nghèo về chính sách giảm nghèo, kinh nghiệm, gương điển hình về giảm nghèo tại cộng đồng dân cư.

5. Tổ chức các hoạt động, phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

6. Phát động các cuộc thi về thông tin, tuyên truyền trên báo chí và các hình thức khác về công tác giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững.

7. Phát triển, tăng cường hoạt động Trang thông tin điện tử về giảm nghèo của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương, bao gồm nâng cấp phần cứng, phần mềm, sản xuất nội dung thông tin để đăng trên trang thông tin điện tử và hỗ trợ duy trì, vận hành Trang thông tin điện tử.

Chương III

LẬP, GIAO KẾ HOẠCH, HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN DỰ ÁN

Mục 1

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN GIẢM NGHÈO VỀ THÔNG TIN

Điều 16. Lập, giao kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Tiểu dự án

1. Kế hoạch thực hiện Tiểu dự án cả giai đoạn 2021-2025 và hằng năm:

a) Bộ Thông tin và Truyền thông lập kế hoạch thực hiện Tiểu dự án theo nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP);

b) Các bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương căn cứ tình hình thực tế, nội dung hoạt động của Tiểu dự án và hướng dẫn tại Thông tư này giao cơ quan chuyên môn trực thuộc có chức năng tham mưu quản lý tổ chức lập kế hoạch thực hiện Tiểu dự án cả giai đoạn 5 năm và hằng năm theo quy định và gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo các cơ quan liên quan. Nội dung, thời hạn lập kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Tiểu dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định 27/2022/NĐ-CP. Đối với các nội dung đặc thù của

Tiểu dự án sử dụng ngân sách Trung ương (nguồn kinh phí sự nghiệp) thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều này.

2. Lập kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của Tiểu dự án:

Căn cứ quy định về phương pháp tính, xác định phân bổ vốn thực hiện Tiểu dự án cho địa phương tại điểm c khoản 1 Điều 10 của Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; các bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương lập kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của Tiểu dự án, cụ thể:

a) Các nội dung đặc thù trong thực hiện nhiệm vụ của Tiểu dự án tại các địa phương, bao gồm:

- Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới;

- Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo;

- Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã;

- Xây dựng, phát triển các nền tảng công nghệ phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền (nếu có);

- Sản xuất mới các xuất bản phẩm cung cấp nội dung thiết yếu;

- Lựa chọn xuất bản phẩm in để xuất bản dưới hình thức xuất bản phẩm điện tử.

b) Nội dung mẫu biểu báo cáo kế hoạch thực hiện Tiểu dự án của các bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương ban hành tại Phụ lục 02 kèm theo Thông tư này;

c) Khi lập kế hoạch đối với các nội dung đặc thù nêu tại điểm a khoản này, các địa phương kèm theo thuyết minh (theo từng nội dung đặc thù); cụ thể như sau:

- Sự cần thiết;

- Mục tiêu; nội dung thực hiện;

- Địa bàn, địa điểm triển khai, đối tượng thụ hưởng;

- Nội dung thực hiện (thuyết minh phù hợp với từng hoạt động);

- Quy mô, số lượng thực hiện;

- Nhu cầu kinh phí, căn cứ xác định;

- Nguồn kinh phí để thực hiện, trong đó làm rõ kinh phí đối ứng của địa phương, đóng góp của đơn vị; kinh phí duy trì, khai thác, vận hành để phục vụ hoạt động cung cấp thông tin;

- Đơn vị được giao thực hiện;
- Phương thức thực hiện;
- Thời gian triển khai, hoàn thành.

d) Thời gian gửi đề xuất kế hoạch thực hiện Tiểu dự án hằng năm:

- Các bộ, cơ quan Trung ương, địa phương lập kế hoạch thực hiện Tiểu dự án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan và đề nghị gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 15 tháng 7 hằng năm trước năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo các cơ quan liên quan theo quy định. Đối với kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ đặc thù cả giai đoạn, các bộ, cơ quan Trung ương gửi cùng thời điểm gửi kế hoạch thực hiện Tiểu dự án năm 2023.

3. Hướng dẫn thực hiện kế hoạch hằng năm:

a) Căn cứ kế hoạch thực hiện Tiểu dự án (sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách Trung ương), Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản hướng dẫn:

- Đối với các bộ, cơ quan Trung ương: Hướng dẫn kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đặc thù về: thực hiện xuất bản phẩm mới, xuất bản phẩm in được lựa chọn để thực hiện xuất bản phẩm điện tử, kế hoạch phát triển nền tảng công nghệ phục vụ giảm nghèo về thông tin (nếu có);

- Đối với các địa phương: Hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của Tiểu dự án nêu tại điểm a khoản 2 Điều này.

b) Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại điểm a khoản này, các bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương quyết định triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Tiểu dự án (trong đó quy định chi tiết nhiệm vụ đặc thù, nếu có) theo các quy định pháp luật có liên quan và gửi báo cáo cho Bộ Thông tin và Truyền thông để theo dõi, tổng hợp, giám sát thực hiện theo quy định.

Mục 2

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN TRUYỀN THÔNG VỀ GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU

Điều 17. Xây dựng kế hoạch thực hiện Tiểu dự án Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn lập kế hoạch, định hướng công tác thông tin, tuyên

truyền về giảm nghèo đa chiều phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ cả giai đoạn và hằng năm.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu công tác xây dựng kế hoạch thông tin, tuyên truyền về giảm nghèo đa chiều trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

3. Các cơ quan, tổ chức ở Trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo đa chiều, báo cáo cơ quan chủ quản đăng ký kế hoạch thực hiện nhiệm vụ với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Các cấp có thẩm quyền ở địa phương, theo phân cấp quản lý, tổ chức lập kế hoạch và triển khai thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo yêu cầu về nội dung thông tin, hình thức phù hợp, hiệu quả và báo cáo kết quả cho cơ quan chủ trì Tiểu dự án theo quy định.

Mục 3

Huy động, quản lý nguồn lực và giám sát thực hiện Dự án

Điều 18. Huy động và quản lý nguồn lực thực hiện Dự án

1. Các bộ, cơ quan Trung ương, cơ quan báo chí, nhà xuất bản và các cơ quan, đơn vị khác tham gia thực hiện Dự án có trách nhiệm bố trí kinh phí bổ sung, lồng ghép việc thực hiện Dự án với các hoạt động khác để thực hiện các nội dung của Dự án theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật liên quan.

2. Các địa phương có trách nhiệm bố trí vốn đối ứng thực hiện các nội dung của Dự án theo quy định tại Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và nội dung phê duyệt Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Dự án thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật liên quan.

4. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông và các tổ chức khác tham gia thực hiện Dự án lồng ghép thực hiện Dự án với các hoạt động của cơ quan, tổ chức và thực hiện cung cấp dịch vụ đảm bảo chất lượng theo quy định.

Điều 19. Giám sát thực hiện Dự án

1. Báo cáo giám sát thực hiện Dự án thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31

tháng 5 năm 2022 hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

2. Các cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện Dự án có trách nhiệm báo cáo định kỳ hằng năm, giữa kỳ, đột xuất theo quy định tại Thông tư nêu trên và các văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo cơ quan chủ chương trình và các cơ quan liên quan về tình hình thực hiện Dự án theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, cơ quan Trung ương liên quan tổ chức thực hiện Tiểu dự án Giảm nghèo về thông tin.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, cơ quan Trung ương liên quan tổ chức thực hiện Tiểu dự án Truyền thông về giảm nghèo đa chiều.

3. Các bộ, cơ quan Trung ương tổ chức, triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Dự án trong phạm vi quản lý; giao nhiệm vụ cho cơ quan chức năng trực thuộc tham mưu quản lý và làm đầu mối phối hợp với các cơ quan chủ trì Tiểu dự án thành phần trong công tác lập kế hoạch, báo cáo, giám sát thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của từng Tiểu dự án theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Tổ chức lập, giao kế hoạch, báo cáo, kiểm tra, giám sát thực hiện Dự án tại địa phương theo thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo, giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu trong việc tổ chức triển khai, quản lý thực hiện Tiểu dự án Giảm nghèo về thông tin; làm đầu mối tổng hợp, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông trong công tác lập kế hoạch và báo cáo tình hình thực hiện Tiểu dự án tại địa phương theo quy định;

c) Chỉ đạo, giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu trong việc tổ chức triển khai, quản lý thực hiện Tiểu dự án Truyền thông về giảm nghèo đa chiều; làm đầu mối tổng hợp báo cáo cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong công tác lập kế hoạch và báo cáo tình hình thực hiện Tiểu dự án tại địa phương theo quy định.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày **14** tháng **8** năm 2022.
2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. / **E**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng Bộ TTTT
- Sở TTTT, Sở LĐTĐ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo - Bộ LĐTĐ;
- Các đơn vị thuộc Bộ; Công Thông tin điện tử Bộ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo, Công TTĐT Chính phủ;
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG**Nguyễn Mạnh Hùng**